|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LÀO CAI**SỞ TƯ PHÁP** |  |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**Tên văn bản đề nghị xây dựng: Quyết định quy định trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ, thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

|  |
| --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH** |
|  **1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** |  a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ, thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP, cụ thể gồm:  *Trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật;* *Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật* b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  Việc quy định trình tự thủ hỗ trợ, thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân cấp cho UBND tỉnh được quy định cụ thể tại Nghị định số 121/2025/NĐ - CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ. Đồng thời xây dựng, hoàn thiện các yêu cầu (bộ phận) của TTHC trong lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được quy định tại Quyết định số 1844/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Việc ban hành quy định trên là căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện 02 thủ tục hành chính mới thuộc lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh (thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; thủ tục dề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa), sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực này. Đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ, thanh toán chi phí tư vấn pháp luật khi có các vụ việc, vướng mắc pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật của doanh nghiệp. |
|  **2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** |  a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa: Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật được UBND tỉnh công nhận và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Doanh nghiệp vừa và nhỏ lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật khi có các vụ việc, vướng mắc pháp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp. Trường hợp UBND tỉnh đồng ý hỗ trợ, doanh nghiệp tiếp tục lập hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật theo quy định. - Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét, đưa ra các quyết định: (i) Đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) Chấp thuận thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc hoặc từ chối thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cấp kinh phí (qua Sở Tư pháp) để thực hiện chi trả cho doanh nghiệp (trường hợp UBND tỉnh đồng ý và chấp thuận thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc cho doanh nghiệp). b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đây là cơ sở để triển khai thực hiện 02 thủ tục hành chính mới thuộc lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh gồm: (i) Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. |
|  **3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** |  ***a) Quy định thủ tục hành chính:*** ¨ - Tên thủ tục hành chính 1: Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Thủ tục hành chính được: Quy định mới ⌧   Sửa đổi, bổ sung □ - Tên thủ tục hành chính 2: Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thủ tục hành chính được: Quy định mới ⌧   Sửa đổi, bổ sung □ ***b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính:*** □ - Phương án giải pháp 1: Không. - Phương án, giải pháp 1: Không. |
|  **4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành chính?** |  Việc lựa chọn quy định TTHC đáp ứng được các yêu cầu hết sức cần thiết:  - Tạo cơ chế vừa bảo đảm chặt chẽ nhưng vừa linh hoạt, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện các hoạt động đề nghị hỗ trợ, thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật khi có vụ việc, vướng mắc về pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật. - Đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan nhà nước trong việc sử dụng ngân sách hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đảm bảo việc hỗ trợ được thực hiện đúng đối tượng, tránh lãng phí, thất thoát kinh phí từ ngân sách. |
|  **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** |
|  **1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1:** **Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa** |
|  **1.1. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính** |
|  **1.1.1.** Có đề xuất theo đúng thẩm quyền không? |  Có ⌧    Không □ Nêu rõ lý do:  Đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP và khoản 1, Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1844/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |
|  **1.1.2.** Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? |  - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □     Không ⌧ - Với văn bản của cơ quan khác: Có □     Không ⌧ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □     Không ⌧ |
|  **1.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính** |
|  **1.1.1. Tên thủ tục hành chính** |
| Có được xác định rõ và phù hợp không? |  Có ⌧    Không □ Nêu rõ lý do: Tên TTHC được quy định rõ ràng, phù hợp với nội quy định tại dự thảo Quyết định. |
|  **1.1.2. Đối tượng thực hiện** |
|  a) Đối tượng thực hiện: |  - Tổ chức: Trong nước ⌧     Nước ngoài □   - Cá nhân: Trong nước ⌧     Nước ngoài □   - Lý do quy định:  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □      Không ⌧Nêu rõ lý do: Đối tượng quy định tại dự thảo Quyết định đã bao trùm tất cả các đối tượng thực hiện trên thực tế |
|  b) Phạm vi áp dụng: |  - Toàn quốc  □      Vùng  □     Địa phương  ⌧  - Nông thôn  □      Đô thị  □     Miền núi     □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: Quy định để thống nhất việc thực hiện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □     Không ⌧ Nêu rõ lý do: Phạm vi đã bao trùm toàn bộ. |
| **1.1.3. Cơ quan giải quyết** |
| a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? |  Có ⌧     Không □ Lý do quy định: Việc quy định thẩm quyền giải quyết TTHC để đảm bảo phân định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc quản lý cũng như thực hiện nghĩa vụ đối với cá nhân, tổ chức. Tại dự thảo nêu rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, xem xét đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể:  - Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Quầy giao dịch Sở Tư pháp); - Thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh: Sở Tư pháp; - Xem xét đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: UBND tỉnh. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? |  Có □     Không ⌧Nêu rõ lý do: Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện đã được thực hiện triệt để tại dự thảo Quyết định |
| **1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính** |
| Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ⌧    Có □ : Lý do: Quy định tại khoản 1, Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1844/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.- Chi phí khác (nếu có): Không □     Có □      Lý do: Có các chi phí khác để thực hiện TTHC này (các chi phí do tổ chức thực hiện, cụ thể trong bảng tính CPTT) |
|  **2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.** |
|  **2.1. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính** |
|  **2.1.1.** Có đề xuất theo không? |  Có ⌧    Không □ Nêu rõ lý do: Đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP và khoản 2, Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1844/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |
|  **2.1.2.** Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? |  - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □     Không ⌧ - Với văn bản của cơ quan khác: Có □     Không ⌧ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □     Không ⌧ |
| **2.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính** |
| **2.2.1. Tên thủ tục hành chính** |
| Có được xác định rõ và phù hợp không? |  Có ⌧    Không □ Nêu rõ lý do: Tên TTHC được quy định rõ ràng, phù hợp với nội quy định tại dự thảo Quyết định. |
| **2.2.2. Đối tượng thực hiện** |
| a) Đối tượng thực hiện: |  - Tổ chức: Trong nước ⌧     Nước ngoài □ - Cá nhân: Trong nước ⌧     Nước ngoài □ - Lý do quy định:  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □      Không ⌧ Nêu rõ lý do: Đối tượng quy định tại dự thảo Quyết định đã bao trùm tất cả các đối tượng thực hiện trên thực tế |
| b) Phạm vi áp dụng: |  - Toàn quốc  □     Vùng  □     Địa phương  ⌧ - Nông thôn  □      Đô thị  □     Miền núi     □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: Quy định để thống nhất việc thực hiện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □     Không ⌧ Nêu rõ lý do: Phạm vi đã bao trùm toàn . |
|  **2.2.3. Cơ quan giải quyết** |
|  a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? |  Có ⌧     Không □ Lý do quy định: Việc quy định thẩm quyền giải quyết TTHC để đảm bảo phân định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc quản lý cũng như thực hiện nghĩa vụ đối với cá nhân, tổ chức. Tại dự thảo Quyết định đã phân định rõ thẩm quyền trong việc tiếp nhận, thẩm định, quyết định chấp thuận thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc hoặc từ chối thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn và thực hiện chi trả cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể:  - Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Quầy giao dịch Sở Tư pháp); - Thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh: Sở Tư pháp - Xem xét, quyết định chấp thuận hoặc tư chối thanh toán chi phí hỗ trợ: UBND tỉnh; - Thực hiện chi trả cho doanh nghiệp sau khi nhận được Quyết định chấp thuận thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp của UBND tỉnh: Sở Tư pháp.  |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □     Không ⌧Nêu rõ lý do: Việc phân cấp. ủy quyền thực hiện đã được thực hiện triệt để tại dự thảo Nghị định |
| **2.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính** |
| Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ⌧    Có: □  Lý do: Quy định tại khoản 2, Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1844/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Chi phí khác (nếu có): Không □     Có □ |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ**  |
| Họ và tên người điền:............................................................................................................................................Điện thoại cố định: ..........................................; Điện thoại di động: .................................................................... E-mail:................................................................................................................................................................... |